



NGUYEN TAT THANH

Thông tin

Giáo dục Quốc tế



Số 10/2013

www.cheer.edu.vn



QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP Ở SINGAPORE



Lời giới thiệu

Trong số trước, Bản tin GDQT Nguyễn Tất Thành đã giới thiệu bản báo cáo đánh giá về việc thực hiện Dự án Giáo dục Đại học Định hướng Nghề nghiệp - Ứng dụng (POHE), một sáng kiến hợp tác của Bộ GD-ĐT và Tổ chức Hợp tác Quốc tế các Trường ĐH Hà Lan (NUFFIC). Nền tảng của POHE là một cách tiếp cận giáo dục mới nâng cao khả năng đáp ứng của nhà trường đối với nhu cầu của thế giới việc làm, dựa trên tương tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Tiếp tục chủ đề này, Bản tin GDQT số 10-2013 của Nguyễn Tất Thành giới thiệu ý kiến của giáo sư Jasmine Kway, Đại học Quốc gia Singapore về những kinh nghiệm của đảo quốc này trong việc thúc đẩy mối quan hệ ấy.

Singapore nổi tiếng là một trung tâm công nghệ cao, có phần nhờ đóng góp của các trường đại học ở tầm đẳng cấp thế giới. Họ xử lý rất tốt mối quan hệ giữa trường đại học và giới doanh nghiệp chung quanh việc hợp tác nghiên cứu, khai thác các thành quả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Kinh nghiệm này có một ý nghĩa rất hữu ích cho Việt Nam.

Trân trọng

BAN BIÊN TẬP BẢN TIN

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP Ở SINGAPORE

Tác giả: **Jasmine Kway**

Đại học Quốc gia Singapore

Mối quan hệ giữa các trường đại học, các doanh nghiệp và các phòng thí nghiệm nghiên cứu quốc gia trong một nước tùy thuộc khá nhiều vào nền tảng văn hóa và lịch sử của mỗi nước. Hơn thế nữa, sự khác biệt trong thực tiễn kinh tế hiện nay của mỗi nước càng làm cho bối cảnh của mối quan hệ nhà trường – doanh nghiệp thêm khác nhau.

Làn sóng toàn cầu hóa làm nảy nở một mối quan ngại chung: làm thế nào bảo đảm tăng trưởng kinh tế trong thị trường toàn cầu ngày càng thêm cạnh tranh, và làm cách nào tận dụng tốt nhất những cơ hội mà nền kinh tế tri thức đang mang lại? Trong một nền kinh tế tri thức, các quốc gia sẽ có thể nhảy vọt đến giai đoạn phát triển tiên tiến nhất, bỏ qua các bước trung gian.

Điều thực sự đáng nói là chính tri thức đã tạo điều kiện cho một công ty tự khẳng định sự khác biệt và tạo ra lợi thế cạnh tranh của mình. Có thể thấy nhiều thành tựu trong công nghệ thông tin đã xuất phát từ nhà trường và các doanh nghiệp mạo hiểm hơn là từ các phòng thí nghiệm hay công ty lớn. Ngày càng có nhiều lời kêu gọi về việc cắt giảm chi phí cũng như thời gian tạo ra thêm áp lực cho các công ty lớn trong việc dùng những kết quả nghiên cứu được tạo ra ở bên ngoài. Tất cả những lực lượng này cùng tạo ra khích lệ cho các doanh nghiệp trong việc hợp tác nghiên cứu với các trường đại học.

Theo quan điểm của các trường đại học, có những lợi ích ngày càng tăng khi tham gia với khu vực tư nhân. Người ta đang kêu gọi trường đại học có những đóng góp cụ thể, hữu hình cho xã hội. Chính phủ nhiều nước đang trở nên căng thẳng hơn khi nguồn lực thì giới hạn mà những yêu cầu khác thì nhiều, chẳng hạn trợ cấp người già, đấu tranh bảo vệ môi trường, duy trì phúc lợi xã hội và giáo dục. Cùng làm việc với các doanh nghiệp giờ đây là một lựa chọn rất hấp dẫn đối với các trường, vì các phòng thí nghiệm của khu vực tư nhân thường được trang bị và tài trợ tốt hơn. Hơn nữa, sinh viên thường muốn được học ở những trường có mối quan hệ gần gũi với các doanh nghiệp, vì những trường đó thường mang lại cơ hội việc làm tốt hơn khi họ tốt nghiệp.

Kinh nghiệm Singapore là một ví dụ lý thú. Vốn có nguồn gốc là một trung tâm phân phối xuất nhập khẩu, Singapore đã cởi mở với việc cạnh tranh quốc tế ngay từ lúc nó vừa giành được độc lập sau Thế Chiến thứ hai. Đến thập kỷ 90, nước này đã đạt đến trình độ phát triển công nghiệp cao và chiến lược tận dụng lao động giá rẻ để công nghiệp hóa đã không còn khả thi nữa. Singapore đã cảm thấy nhu cầu tiến đến nền công nghiệp dựa trên sáng tạo sớm hơn nhiều so với các nước xóm giềng. Là một quốc gia có hai trường đại học vững mạnh khi bước vào thế kỷ mới, Đại học

Quốc gia Singapore (NUS) và Đại học Kỹ thuật NanYang (NTU) có truyền thống hợp tác rất mạnh mẽ với các doanh nghiệp. Sinh viên hai trường này tiếp tục kiếm việc làm dễ dàng trong khu vực sản xuất và dịch vụ trong cả nước. Văn hóa tương tác với doanh nghiệp đã được xây dựng qua nhiều hoạt động như tổ chức thực tập, hợp tác nghiên cứu, cấp phép công nghệ, bổ nhiệm phụ tá và sự tham gia của các doanh nghiệp trong những hội đồng tư vấn của các khoa.

Bộ khung về sở hữu trí tuệ

Sự phát triển và mở rộng quan hệ nhà trường – doanh nghiệp trong những năm gần đây là kết quả của những nỗ lực trong chính sách công với những mục tiêu rõ ràng và được cân nhắc kỹ lưỡng. Những lãnh vực được tập trung nhiều là xác định cương vị pháp lý của nhà trường và các giáo sư, giảm nhẹ hoặc hủy bỏ những quy định hạn chế giảng viên làm việc với các doanh nghiệp, giải quyết vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, tạo ra những cơ chế tài trợ, và bảo đảm nguồn ngân sách cho nghiên cứu khoa học ở các trường đại học. Tuy các trường, các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu có nguồn tài trợ từ ngân sách công cần được phép xây dựng những quan hệ làm việc cùng nhau, nhưng nhà nước cũng cần có trách nhiệm xây dựng luật và thực thi những gì có thể đem lại sự khích lệ thích hợp cho những hoạt động hợp tác nghiên cứu.

Một số kiểu khuôn khổ pháp lý được đặt trên nền tảng những luật lệ và quy định của chính phủ đã được thực hiện. Một cách lý tưởng, những chính sách này cần phục vụ ba mục đích: trước hết, trình bày công khai những dự định của chính phủ về những phương hướng mà trường đại học và các doanh nghiệp nên đi; hai là, đặt ra những quy tắc pháp lý cho các trường, các doanh nghiệp tổ chức thực hiện, nhất là trong việc quản lý quyền sở hữu trí tuệ; và ba là, bảo đảm nguồn lực tài chính và những khích lệ để thúc đẩy việc hợp tác.

Ở Singapore, hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản kinh tế khác được xây dựng theo luật dân sự, và những bộ luật khác đang điều chỉnh thực tiễn hoạt động kinh doanh và hợp đồng các loại. Những thứ đó tạo thành nền tảng hình thành mối quan hệ nhà trường và doanh nghiệp. Theo một nghiên cứu do OECD và WB thực hiện, Singapore xếp hàng đầu về bảo vệ quyền SHTT và hợp tác nghiên cứu giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thành công của Singapore có thể quy cho nhiều yếu tố bao gồm việc sử dụng rộng rãi tiếng Anh như ngôn ngữ làm việc, điều này đã tạo điều kiện cho việc áp dụng những kinh nghiệm tốt và khơi thông nhiều quá trình. Văn phòng SHTT của Singapore (IPOS), trực thuộc Bộ Tư pháp, đem lại nền tảng và môi trường cho sự sáng tạo, bảo vệ và tận dụng sản phẩm của quyền SHTT. Nhưng giải quyết vấn đề chuyển giao công nghệ thực chất vẫn là việc của các trường đại học.

Nguồn tài trợ cho các hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Ở Singapore, việc các trường trở thành người hợp tác chính yếu của các doanh nghiệp bắt đầu từ Cơ chế Hỗ trợ Nghiên cứu và Phát triển (RDAS) do nhà nước đề xướng và áp dụng từ năm 1981. Đây là một cơ chế tài trợ nhằm mục tiêu kích thích hoạt động nghiên cứu dưới hình thức hợp tác giữa nhà trường và các doanh nghiệp. Nhưng việc chuyển giao công nghệ thực sự chỉ bắt đầu vận hành từ năm 1992, khi Cơ quan Quan hệ Doanh nghiệp và Công nghiệp (INTRO) của NUS được thành lập để giải quyết mọi vấn đề về hợp tác nghiên cứu, quản lý quyền SHTT và chuyển giao công nghệ.





Trong khi chuyển giao công nghệ thông qua cấp phép là cách tiếp cận trực tiếp nhất, NUS thông qua INTRO đã vận dụng nhiều cách khác nhau để công bố những công nghệ mà họ có trong tay. Họ gửi những công nghệ này đến các công ty được chọn lọc để nhờ đánh giá và đưa các công nghệ ấy vào “kho tư liệu về công nghệ có thể áp dụng” trên trang web của mình. Các công ty do đó có cơ hội để đánh giá những công nghệ mới, nếu họ quan tâm đến việc khai thác, họ có thể nộp kế hoạch tiến hành để thương lượng với INTRO. Các công ty thường tìm cách để được cấp phép độc quyền, nhưng NUS đặc biệt thận trọng và suy xét chu đáo trong việc cấp phép độc quyền như thế, chỉ đối với công ty nào có khả năng chuyên về lĩnh vực và khu vực ứng dụng công nghệ này. INTRO cũng thực hiện những thương lượng trong việc cấp phép để bảo đảm rằng công nghệ của họ được những công ty có năng lực tốt nhất trong việc khai thác công nghệ ấy.

Đến nay, INTRO đã tạo điều kiện nộp hồ sơ cho hơn 900 bằng sáng chế, hơn 200 bằng sáng chế đã được cấp. Thêm nữa, hơn 150 thỏa thuận cấp phép đã được ký kết, mang lại thu nhập khoảng 1,2 triệu SD. Trung bình, INTRO ký kết khoảng 120 thỏa thuận hợp tác nghiên cứu hàng năm với nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp trung bình khoảng 10 triệu SD, dưới 5% tổng số kinh phí nghiên cứu của nhà trường. NUS đặt mục tiêu đạt được mức tài trợ nghiên cứu từ các doanh nghiệp cao hơn thế nhiều trong những năm sắp đến.

Singapore ưu tiên cao cho việc bảo đảm nguồn ngân quỹ tương xứng cho các hoạt động của trường đại học và viện nghiên cứu. Những hoạt động nghiên cứu này tạo ra một khối lượng lớn tri thức và phát minh, một nguồn lực lớn gắn với mục đích hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Hơn nữa, có một số hình thức tài trợ mới gần đây chẳng hạn hỗ trợ về thiết bị ban đầu, công viên khoa học, và các khoản vay lãi suất thấp dưới giá thị trường. Ở một số nước, chính sách giảm thuế được áp dụng nhằm khuyến khích các công ty tận dụng công nghệ mà các trường đại học xây dựng nên.

Ở Singapore, ngoài ngân sách chung cho hoạt động SHTT, hỗ trợ thương mại hóa, khởi sự, phát triển doanh nghiệp, đầu tư, khích lệ bằng thuế, và kinh doanh mạo hiểm. Lịch sử của sự hỗ trợ mà nhà nước dành cho mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp bắt đầu từ năm 1981 khi RDAS được áp dụng. Chương trình này ngày nay đã được mở rộng rất đáng kể, với những cơ chế mới được tăng cường để xử lý những khác biệt giữa các thành phần và mức độ nhu cầu. Những chương trình nghiên cứu và nâng cấp công nghệ đặc biệt này là trách nhiệm của Ban Phát triển Kinh tế (EDB) và Tổ chức Khoa học, Công nghệ và Nghiên cứu (A*STAR). Cả hai tổ chức này đều là những nguồn chính về tài trợ của nhà nước. EDB cung cấp kinh phí nghiên cứu khoa học cho các công ty thông qua nhiều cơ chế tài trợ khác nhau. Nó đặc biệt chú trọng những nỗ lực khởi đầu và điều hành một chương trình đặc biệt có tên là Cơ chế Phát triển Khởi sự Doanh nghiệp (SEEDS). Chương trình này tài trợ cho giai đoạn ban đầu trong việc khởi sự một doanh nghiệp mới. NUS có riêng một quỹ hỗ trợ mạo hiểm nhưng khá khiêm tốn để trợ giúp việc khởi xướng này.

Nhìn chung, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có xu hướng bị ra rìa trong những chương trình nghiên cứu khoa học của quốc gia, vì khả năng chuyên môn về kỹ thuật công nghệ của họ khá giới hạn. Nhưng họ có nhu cầu trực tiếp được sự hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài. Những hỗ trợ ấy có thể là từ các đối tác bên ngoài như các trung tâm nghiên cứu của trường đại học, các viện nghiên cứu quốc gia, hay các tổ chức quản lý khoa học công nghệ. Nhu cầu của họ không phải lúc nào cũng là

những lĩnh vực công nghệ tiên tiến nhất mà thường là ở mức thông thường và thực tế. Ở Singapore, hỗ trợ tài chính về việc nộp hồ sơ xin cấp bằng sáng chế và nâng cấp năng lực kỹ thuật được hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và vừa tận dụng.

Chính sách về việc quản lý SHTT

Các trường đại học trên toàn thế giới đều phải đương đầu với một câu hỏi hết sức tế nhị là làm thế nào tìm ra điểm cân bằng giữa một bên là công bố các phát minh của mình và một bên là xin cấp bằng sáng chế cho nó. Ở Singapore, những động lực trong việc hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp đã làm tăng áp lực đối với các trường đại học và viện nghiên cứu khiến họ thay đổi ưu tiên theo hướng bảo vệ quyền SHTT với các bằng sáng chế. Cho dù lợi ích thương mại hóa không phải lúc nào cũng là mục đích của các trường đại học và viện nghiên cứu, xin cấp bằng sáng chế vẫn là điều nên làm để duy trì sự kiểm soát đối với việc những phát minh đó sẽ được tận dụng như thế nào. Bởi vậy, quản lý quyền SHTT là vấn đề trọng tâm trong việc nâng cao quan hệ đối tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, và cụ thể là bộ phận Thương mại Liên quan đến quyền SHTT, Singapore có một hệ thống được xác định rất tốt nhằm bảo vệ giá trị kinh tế của các sáng kiến đổi mới, và có những chính sách rất rõ ràng nhằm quản lý SHTT.

Các nước và các trường khác nhau khá nhiều trong việc giải quyết vấn đề phân chia quyền sở hữu giữa các tổ chức và cá nhân có đóng góp trực tiếp hay gián tiếp vào việc tạo ra ý tưởng. Có nhiều quan điểm khác nhau về việc quyền sở hữu nên được phân chia như thế nào giữa những người thực hiện công việc nghiên cứu và người tài trợ cho nó; hoặc giữa các viện nghiên cứu, các cá nhân nhà nghiên cứu, và chính phủ trung ương lẫn địa phương đã cung cấp kinh phí cho hoạt động nghiên cứu. Trên phạm vi toàn cầu, vấn đề phân chia sở hữu như thế nào là một chủ đề vẫn đang tiếp tục tranh cãi.

Ở Singapore, quyền sở hữu và việc phân chia lợi tức thu được từ công nghệ ấy được xử lý như hai vấn đề khác nhau. Trong khi có lẽ đơn giản và hợp lý là phân chia lợi tức chẳng hạn tiền bản quyền dựa trên mức độ sở hữu, thì các trường và các doanh nghiệp lại thường đưa ra những luận cứ rất khác nhau. Ngay trong phạm vi một nước, những cơ chế khác nhau cũng có thể được áp dụng tùy theo chính sách của từng trường. Ở Singapore, NUS chia lợi tức (đến tối đa 15% tổng thu) như sau: 50% cho nhà đầu tư, 30% cho khoa và 20% cho trường. Mặt khác, ở NTU, lợi tức được chia với 75% dành cho người phát minh và nhà trường bằng nhau tính đến 500.000 SD đầu tiên, phần vượt hơn nếu có sẽ được chia với tỉ lệ thấp hơn dành cho người phát minh.

Định nghĩa về việc ai làm chủ quyền SHTT và việc phân phối lợi tức không phải lúc nào cũng gắn với nhau. Chia sẻ lợi tức là một thực tế phổ biến ở các nước và các trường/viện và ngày càng được xem là cách để mang lại kích lệ không chỉ cho cá nhân các nhà nghiên cứu mà là cho các tập thể và tổ chức. Mặt khác, việc làm chủ quyền SHTT nảy sinh như là kết quả của nghiên cứu thường được trao cho các viện nghiên cứu. Trong thực tế, điều này được xem là hợp tình hợp lý, vì đặt tất cả trách nhiệm về quyền sở hữu và quản lý quyền sở hữu lên vai cá nhân nhà nghiên cứu sẽ làm nản lòng họ và làm giảm khả năng nộp hồ sơ xin cấp bằng sáng chế. Tuy vậy, không nên quên rằng nhiều trường đại học và các cơ quan chuyển giao công nghệ của họ đang bị áp lực tài chính ngày càng cao do chi phí của việc xin cấp và duy trì





các bằng sáng chế.

Những thách thức đặt ra cho các đơn vị chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ tài chính

Các cơ quan chuyển giao công nghệ trên khắp thế giới đều có chung một vấn đề: làm sao có nguồn tài chính để nuôi quân và vận hành hoạt động. Các cơ quan chuyển giao công nghệ ở Singapore cũng phải đương đầu với thách thức tương tự. Vì còn non trẻ, những cơ quan này chưa tự nuôi được mình. Những ý kiến khác nhau thường trực về những lợi ích bên ngoài việc chuyển giao công nghệ vượt ra khỏi phạm vi những thu nhập mà cơ quan chuyển giao công nghệ thu thập được vẫn tiếp tục là một thách thức. Tất cả mọi cơ quan chuyển giao công nghệ ở Singapore đều tin rằng hoạt động của họ không nên được đánh giá chỉ qua thu nhập, mà còn là qua tác động mà việc chuyển giao công nghệ đã tạo ra đối với xã hội Singapore và với hoạt động doanh nghiệp.

Nguồn nhân lực và việc đào tạo

Singapore thiếu nghiêm trọng chuyên gia trong nhiều lĩnh vực về SHTT và chuyển giao công nghệ. Rất thiếu những nhà chuyên môn tài năng, có đủ năng lực xử lý công việc phức tạp đòi hỏi kiến thức đa ngành và tỉ mỉ liên quan đến quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Có một nhu cầu lớn về những người am hiểu hoạt động của doanh nghiệp có thể giải quyết tốt việc quản lý cũng như kinh doanh về chuyển giao công nghệ và về sự hợp tác giữa nhà trường với các doanh nghiệp. Những người như thế phải có hiểu biết về khoa học kỹ thuật, có kiến thức luật pháp, đặc biệt là về quản lý quyền SHTT. Họ cũng phải hiểu rõ hai cộng đồng này vận hành khác nhau như thế nào, tức là giới học thuật và giới doanh nghiệp.

Singapore là một trong những nước đầu tiên nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực loại này. Để đáp ứng nhu cầu về những chuyên gia như thế, ngoài các lớp chính thức ở trường đại học, Singapore tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị ngắn hạn do các công ty tư vấn và hiệp hội chuyên ngành đứng ra thực hiện.

Năm 2003, Singapore thành lập Viện Sở hữu Trí tuệ nhằm đào tạo lực lượng chuyên gia về SHTT và quản lý SHTT. Bổ sung cho vai trò đào tạo của mình, Viện này còn thúc đẩy những nghiên cứu về SHTT, với dự định đưa Singapore thành người đứng đầu trong một số lĩnh vực SHTT được chọn lọc. Gắn đội ngũ trong nước với các nhà nghiên cứu về SHTT nổi bật trên trường quốc tế, Viện này thực hiện nhiều dự án nghiên cứu mũi nhọn và hợp tác nghiên cứu với những tổ chức và viện nghiên cứu về SHTT nổi tiếng trên thế giới. Những dự án nghiên cứu như thế giúp Singapore tiếp xúc với những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực SHTT toàn cầu và tạo cơ hội cho các nhà nghiên cứu Singapore học hỏi từ những chuyên gia nổi tiếng và tăng cường năng lực nghiên cứu SHTT ở bản địa.

Thêm nữa, những chương trình liên quan đến SHTT được cấu trúc nhằm mục đích trang bị cho các nhà khoa học, các kỹ sư một kiến thức cơ bản về quản lý SHTT cũng đang được Trung tâm Quản lý Khoa học và Công nghệ của NUS tổ chức thực hiện. Tuy vậy, những chương trình huấn luyện về chuyển giao công nghệ vẫn còn là một khoảng trống ở Singapore.

Tuy không ai nghi ngờ gì về nhu cầu về đào tạo chính quy, phần nhiều việc

học hỏi phải diễn ra thông qua thực tế. Thương lượng các hợp đồng chuyển giao công nghệ và tiếp thị cho những phát minh mới hầu như là một kỹ năng không thể dạy được trừ phi dùng các trường hợp có thật để minh họa. Ngày càng nhiều vụ kiện tụng liên quan tới việc quản lý quyền SHTT cho thấy mức độ cực kỳ phức tạp của việc dùng công nghệ mới cho mục đích thương mại, và do đó đào tạo lĩnh vực chuyên môn này là hết sức khó khăn. Vì công nghệ đã trở thành quan trọng hơn bao giờ hết quyết định sự thành công trong kinh doanh thương mại, rủi ro xử lý sai việc chuyển giao công nghệ cũng tiếp tục tăng thêm. Các nhà quản lý ở các cơ quan chuyển giao công nghệ và các phòng thí nghiệm của trường đại học phải được trang bị những kiến thức chuyên môn này. Câu hỏi còn lại là những người như thế cần có nền tảng về kỹ thuật hay là, như thường thấy trong trường hợp Hoa Kỳ, một nền tảng về luật pháp.

Mâu thuẫn lợi ích

Lời kêu gọi tăng cường quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp có nền tảng vững chắc giữa xu hướng cạnh tranh toàn cầu mạnh mẽ và những động lực của nền kinh tế tri thức. Nhưng những thay đổi này không nên diễn ra với cái giá phải trả là sự đổi thay sứ mệnh của trường đại học. Cái vẫn còn lại là trường đại học phải theo đuổi nhiều mục tiêu khác nhau và mâu thuẫn với nhau. Họ phải hoàn thành nhiệm vụ cơ bản là giảng dạy sinh viên, và mục tiêu này không thể nào nhân nhượng được. Trong khi các giáo sư được dành cho nhiều tự do hơn để làm việc với khu vực tư nhân, phải có sự phân biệt rõ ràng giữa những hoạt động học thuật và thương mại của họ. Có một nguy cơ thực sự về mâu thuẫn lợi ích. Nói chung, những mâu thuẫn như thế được định nghĩa là một tình thế mà nghĩa vụ công cạnh tranh với lợi ích tài chính. Ưu tiên nghiên cứu sẽ có thể bị thiên lệch về phía những nghiên cứu ứng dụng có xu hướng mang lại lợi tức tức thời. Các trường rất có thể sẽ hạn chế bớt tự do trí tuệ và do vậy thúc đẩy sự mất lòng tin của công chúng và làm cho giảng viên xao nhãng chức năng cốt lõi của nhà trường là giảng dạy và nghiên cứu cơ bản.

Sự bảo mật là một mối quan ngại đặc biệt vì một dự án liên kết có thể cản trở dòng chảy kiến thức tự do giữa các nhà nghiên cứu, những người liên quan tới dự án hợp tác nghiên cứu với các công ty tư nhân và những người không liên quan. Dùng sinh viên như những người làm công trong hoạt động nghiên cứu cũng là một vấn đề khác đã được nhiều người nhận ra.

Mâu thuẫn lợi ích chính yếu trước hết là việc phân bổ thời gian của các nhà nghiên cứu trong trường đại học giữa những trách nhiệm về đào tạo và về nghiên cứu học thuật với những lợi ích thương mại. Có một sự đồng thuận chung trong các trường đại học Singapore là, nếu một người nghiên cứu định nhận một trách nhiệm có mang lại lợi ích thương mại, ít nhất họ nên thông báo với nhà trường và được sự chấp thuận. Để có thể giải quyết chấp thuận những yêu cầu như thế, nhà trường cần có một số quy tắc nhất định. Một người nghiên cứu nên xin nghỉ ngắn hạn, hoặc lấy một kỳ nghỉ chính thức, được gọi là sabbatical, hay ít ra là chia tách rõ trong lịch làm việc của mình để luôn luôn có một đường ranh giới giữa hai hoạt động. Một ví dụ là quy tắc 20% khá phổ biến trong các trường đại học Mỹ, tức là giảng viên được phép dùng 20% thời gian, nói cách khác là một ngày trong tuần, bên ngoài nhà trường. NUS có quy định tương tự, cho phép 52 ngày trong năm được dành cho hoạt động tư vấn hay những việc chuyên môn cho một doanh nghiệp mới khởi sự.

Ngoài việc quản lý thời gian cho thích hợp, còn một nhu cầu về việc quản lý





những lợi ích kinh tế có thể nảy sinh. Điều này rất có khả năng xảy ra khi giảng viên các trường góp vốn vào một doanh nghiệp đang sử dụng kiến thức mà nhà trường tạo ra. Một doanh nghiệp khi khởi sự thành công có thể mang lại nhiều triệu đô la lợi nhuận cho chỉ một nhà nghiên cứu. Nhưng nếu như mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp dẫn đến tình huống các nhà nghiên cứu của nhà trường được thừa hưởng vận may nhờ sử dụng kiến thức cũng như trang thiết bị của nhà trường, thì cảm xúc về sự không công bằng, thất vọng thậm chí chống đối lại sự hợp tác ấy trong số những người không được hưởng lợi có thể sẽ nảy sinh. Để tránh tình huống này, phải có những quy tắc rõ ràng để họ tuân theo. Liệu một nhà nghiên cứu của trường đại học có thể trở thành giám đốc hợp tác, giữ một vị trí điều hành hoặc không điều hành của các doanh nghiệp ấy, là một điểm gây tranh luận. Nếu có, họ nên được phép làm điều đó với những điều kiện như thế nào? Tuy điều này có thể do từng trường quyết định, sẽ có lợi cho tất cả các trường và các doanh nghiệp nếu chúng ta có một nguyên tắc hướng dẫn cơ bản trước, do các liên hiệp hội nhà trường và doanh nghiệp đưa ra.

Ở NUS, đã có những hướng dẫn rõ ràng nhằm quản lý và khuyến khích nhiều hơn các hoạt động mang tính chất sáng nghiệp. NUS đã xác định một số tình huống có thể nảy sinh: (i) sử dụng sai sinh viên bằng cách thuê mướn họ như lao động giá rẻ; (ii) truyền đi những thông tin đặc quyền nói chung là không sẵn có đối với các doanh nghiệp; (iii) thực hiện hay thay đổi định hướng nghiên cứu để phục vụ nhu cầu của các công ty; (iv) dùng nguồn lực của nhà trường cho hoạt động của các công ty; (v) mua trang thiết bị cho nhà trường từ những công ty mà nhà nghiên cứu có lợi ích liên quan; (vi) nhận tài trợ từ công ty về những dự án liên quan tới các công nghệ đã được cấp phép. Ngoài ra, NUS coi hoạt động tư vấn, đồng sở hữu, lãi bản quyền và các mối quan hệ gia đình là những lĩnh vực có khả năng tạo ra mâu thuẫn. Với mỗi lĩnh vực này, NUS có những chính sách và hướng dẫn nhất định nhằm giảm thiểu rủi ro xảy ra những mâu thuẫn ấy.

Tiến về phía trước

Không có gì nghi ngờ về việc các trường đại học Singapore đã có một vai trò quan trọng trong việc nâng cao sự tiến triển của nền kinh tế dựa trên sáng tạo đổi mới. Một nhân tố trọng yếu đã góp phần to lớn cho điều đó là những nỗ lực tích cực mà các đơn vị chuyển giao công nghệ của họ đã thực hiện nhằm xây dựng và thúc đẩy quan hệ hợp tác mạnh mẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thêm nữa, họ đã học hỏi và hưởng lợi từ những kinh nghiệm tốt nhất của những người dày dặn kinh nghiệm ở các nước khác và vận dụng những kinh nghiệm đó vào bối cảnh địa phương. Tiến về phía trước, họ sẽ phải tăng cường tìm ra con đường của chính họ để giải quyết những thiếu hụt trong năng lực công nghệ của quốc gia, và củng cố những tri thức chuyên môn hiện có trong lĩnh vực SHTT và chuyển giao công nghệ.

Người dịch: Phạm Thị Ly

Nguồn: *University and Industry Relations in Singapore. By Jasmine Kway, Deputy Director of Industry and Technology Relations Office, National University of Singapore*

http://www.wipo.int/export/sites/www/uipc/en/documents/pdf/tmc_singapore.pdf

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Nguyễn Mạnh Hùng

Biên tập: TS. Phạm Thị Ly

Cố vấn chuyên môn: PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí

Trình bày: Phạm Thanh Tâm

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Nghiên cứu và Đánh giá GDĐH,
Trường ĐH Nguyễn Tất Thành
298A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM
ĐT: 39402810 - Email: cheer@ntt.edu.vn
Website: www.cheer.edu.vn

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

